

Hai bờ văn hóa, một tấm lòng đạo hiếu trong thế giới Đông - Tây (P.1)

ISSN: 2734-9195 14:15 28/07/2026

Đạo hiếu đã bén rễ sâu trong tâm thức của nhiều thế hệ người Trung Hoa, góp phần quan trọng vào việc tăng cường sự hòa thuận trong gia đình, củng cố ý thức cộng đồng, duy trì sự ổn định xã hội, thậm chí thúc đẩy sự thống nhất quốc gia.

Bài diễn thuyết về hiếu đạo trong sự đối chiếu văn hóa Đông-Tây.

Kính thưa quý thầy cô, quý vị đại biểu cùng toàn thể quý vị!

Tôi là Đồng Nãi Cường, công tác tại Đại học Sư phạm Bắc Kinh. Ban tổ chức mời tôi trình bày về một trong những cội nguồn quan trọng của đạo đức truyền thống Trung Hoa - đạo hiếu - đồng thời đặt ra đề tài: “Bàn về đạo hiếu trong sự đối chiếu với văn hóa phương Tây”.

Trong kho tàng đạo đức của nhân loại, hiếu đạo không chỉ là một khái niệm luân lý, mà còn là tiếng gọi trở về với cội nguồn sự sống. Từ tình thương của cha mẹ đối với con cái đến lòng biết ơn và trách nhiệm của con cái đối với song thân, đạo hiếu đã trở thành chiếc cầu nối giữa các thế hệ, nuôi dưỡng sự bền vững của gia đình và góp phần định hình nhân cách con người.



Hình ảnh được tạo bởi AI

Những điều tôi trình bày hôm nay có lẽ không xa lạ với quý vị. Tuy nhiên, trong nhiều năm sưu tầm và khảo cứu, tôi đã tập hợp được khá nhiều tư liệu liên quan đến nguồn gốc, nội dung và sự biến đổi của quan niệm hiếu đạo. Vì vậy, bài diễn thuyết này xin hệ thống lại các tư liệu ấy, đồng thời đặt chúng trong sự đối chiếu với luân lý gia đình của Phật giáo, Đạo giáo và Kitô giáo.

Sự đối chiếu ở đây không nhằm phân định hơn - kém giữa các nền văn hóa, mà để nhận ra những khác biệt trong cách con người hiểu về gia đình, trách nhiệm, tình thân và sự tiếp nối giữa các thế hệ. Qua đó, chúng ta có thể trân trọng hơn giá trị của truyền thống, đồng thời biết tiếp thu những yếu tố tiến bộ, nhân văn của các nền văn hóa khác trong tinh thần hòa nhi bất đồng.

I. Sự hình thành và truyền thừa của đạo hiếu Trung Hoa

Mối quan tâm của tôi đối với đạo hiếu bắt đầu từ khi đọc bài viết “Chữ ‘hiếu’ và tín ngưỡng sùng bái sinh thực khí” của Chu Dư Đồng, in trong Tuyển tập luận văn về lịch sử Kinh học của Chu Dư Đồng, Nhà xuất bản Nhân dân Thượng Hải, tháng 11 năm 1983.

Trong bài viết ấy, ông cho rằng:

“Trong giới sinh vật, tình yêu giữa hai giới phổ biến hơn tình yêu giữa cha mẹ và con cái. Chỉ ở những động vật bậc cao mới xuất hiện tình yêu của cha mẹ đối với con; đến loài người, tiến thêm một bước nữa, mới xuất hiện tình yêu của con cái đối với cha mẹ... Tình yêu nồng hậu và tương hỗ giữa cha mẹ với con cái

vốn là sản phẩm tự nhiên của xã hội loài người”.

Ban đầu, tôi cảm thấy nhận định ấy rất đúng. Nhưng về sau, tôi nhận ra rằng cách nói đó chưa thật sự đầy đủ. Bởi trong thời gian ấy, tôi liên tiếp đọc được trên báo chí nhiều bài viết nói về hiện tượng “động vật cũng biết kính trọng và chăm sóc những cá thể già yếu”.

Các bài báo cho biết rằng, trong đại dương, khi cá mồi bơi thành đàn và đi qua những nơi chật hẹp, cá non luôn bơi ở tầng phía trên, còn cá già bơi ở tầng phía dưới, cả đàn tuần tự tiến về phía trước.

Một loài cá sống dưới đáy Tây Thái Bình Dương khi trưởng thành thường không rời khỏi hang. Cá non sau khi kiếm ăn sẽ trở về hang, mang thức ăn nuôi những con trưởng thành và nhờ đó được quyền cư trú trong hang.

Trên đất liền, khi bú mẹ, cừu con thường quỳ hai chân trước xuống; hiện tượng này được gọi là “cừu non quỳ bú”. Ở châu Phi có một giống cừu mà khi cừu non nằm xuống trước mặt cừu già, những con cừu khác sẽ đẩy nó đứng dậy, bởi con non không được tùy tiện nằm trước mặt bậc trưởng thượng.

Trong đàn hươu, những con hươu cái già yếu thường chỉ được giao những công việc nhẹ. Bên cạnh hươu đực già còn có một con hươu trẻ khỏe mạnh đi theo để bảo vệ.

Trên bầu trời, khi quạ già không còn đủ sức bay đi kiếm ăn, quạ non sẽ bay khắp nơi tìm thức ăn mang về nuôi quạ già. Đó là hiện tượng thường được gọi là “quạ con mớm mồi báo đáp”.

Kền kền đuôi trắng trên thảo nguyên khi ăn xác động vật cũng không ào đến tranh giành. Chúng thường để những con già ăn no trước. Sau khi ăn xong, những con già bay lên một nơi cao gần đó để canh gác; lúc ấy, những con còn lại mới vây quanh kiếm ăn.

Loài chim sáo đầu nâu ở Hoa Kỳ khi sống thành đàn thường để chim non ở vòng ngoài, còn chim già được bảo vệ ở vòng trong.

Trong rừng Colombia có một loài chim gọi là chim Mili, thân hình nhỏ như chim sẻ, mỏ nhọn cong như lưỡi câu, trên lông đuôi có những vòng nhỏ. Loài chim này thích sống thành đàn. Ban đêm, chúng móc những vòng trên đuôi vào mỏ của nhau, tạo thành một chiếc “võng” để chim cha mẹ nằm ngủ. Khi gặp mưa gió, chiếc “võng” ấy còn cuộn lại, đưa chim cha mẹ vào vị trí sâu nhất bên trong để tránh mưa gió.

Những hiện tượng trên cho thấy rằng trong thế giới động vật, cũng như trong xã hội loài người, có tồn tại tình cảm yêu thương nồng hậu và tương hỗ giữa cha mẹ với con cái.

Trong xã hội loài người, tình cảm yêu thương giữa cha mẹ và con cái đã xuất hiện từ rất sớm. Có lẽ nó đã hình thành ngay từ thời xã hội thị tộc mẫu hệ, chủ yếu thể hiện qua sự quan tâm, chăm sóc lẫn nhau giữa mẹ với con gái, mẹ với con trai. Ngày nay, dấu vết của phong tục này vẫn còn được nhìn thấy trong cộng đồng người Mosuo sống ven hồ Lô Cô, tỉnh Vân Nam.

Đến thời xã hội thị tộc phụ hệ, tình cảm ấy được mở rộng thành sự thương yêu giữa cha mẹ với con cái và sự quan tâm của con cái đối với cha mẹ. Tuy nhiên, vào thời điểm ấy, đó mới chỉ là một hình thức quan tâm, thương yêu đặc biệt, chưa phải là “đạo hiếu” theo ý nghĩa mà chúng ta nói đến ngày nay.

Khoảng thế kỷ XXI trước Tây lịch, do nhu cầu phân biệt các cộng đồng người khác nhau, chế độ họ tộc bắt đầu xuất hiện. Cùng với sự hình thành của gia đình phụ hệ, đặc biệt là sự xuất hiện của nhiều gia đình nhỏ trong các đại gia tộc, quan niệm về chữ “hiếu” cũng dần được hình thành.

Không những chữ “hiếu” đã được tìm thấy trong giáp cốt văn thời Hạ-Thương và trong minh văn khắc trên đồ đồng thời Ân-Thương, mà còn có ba sự kiện cụ thể cho thấy quan niệm về đạo hiếu đã xuất hiện từ rất sớm.

Thứ nhất, trong Thi Kinh - Tiểu Nhã - Liệt Nga, tuyển tập dân ca cổ đại do Khổng Tử chỉnh lý, có những câu:

*“Cha sinh ta giữa cõi đời,
Mẹ nuôi khôn lớn, một đời chở che.
Ân sâu biển rộng sơn khê,
Muốn đền cho trọn, biết bề nào cân.
Ngước trông trời rộng muôn phần,
Cũng không sánh nổi công ân mẹ cha”.*

Ở đây, chữ “cúc” có nghĩa là nuôi dưỡng; chữ “hạo” có nghĩa là rộng lớn; còn “võng cực” có nghĩa là không cùng, không tận. Cụm từ “hạo thiên võng cực” được dùng để ví ân đức của cha mẹ đối với con cái rộng lớn và vô cùng vô tận.

Điều này cho thấy trong dân gian lúc bấy giờ đã hình thành tư tưởng cho rằng con cái phải báo đáp công ơn sinh thành, dưỡng dục của cha mẹ.

Thứ hai, Tả truyện - Hoàn Công năm thứ mười lăm ghi lại một sự kiện lớn xảy ra tại nước Trịnh vào năm 697 trước Tây lịch, tức sớm hơn thời Khổng Tử hơn một trăm năm mươi năm:

“Tế Trọng, quyền thần nước Trịnh, chuyên quyền, khiến Trịnh bá lo ngại. Trịnh bá sai con rể là Ung Củ giết Tế Trọng. Ung Củ dự định mở tiệc ở ngoại ô để thực hiện âm mưu”.

Ung Cơ biết được việc ấy, liền hỏi mẹ:

‘Giữa cha và chồng, ai là người thân hơn?’

Mẹ nàng đáp:

‘Trên đời, người đàn ông nào cũng có thể trở thành chồng, nhưng cha chỉ có một mà thôi, làm sao có thể so sánh được?’

Ung Cơ bèn báo cho Tế Trọng rằng:

‘Họ Ung bỏ nhà mình, sắp mở tiệc ở ngoại ô. Con cảm thấy nghi ngờ nên đến báo’.

Tế Trọng vì thế đã giết Ung Củ”.

Sự kiện thứ ba được ghi trong Mạnh Tử - Cáo Tử hạ. Vào năm thứ chín đời Lỗ Hy Công, tức năm 651 trước Tây lịch, sớm hơn Khổng Tử khoảng một trăm năm, các nước chư hầu tổ chức hội minh tại Quỷ Khâu, nay thuộc huyện Lan Khảo, tỉnh Hà Nam.

Điều thứ nhất trong bản minh ước là “trùng trị kẻ bất hiếu”; điều thứ tư cũng có nội dung “kính trọng người già, thương yêu trẻ nhỏ”.

Qua đó có thể thấy, từ ba đến bốn nghìn năm trước, chữ “hiếu” đã trở thành một phong tục đạo đức và là một trong những chuẩn mực quan trọng của người Trung Hoa.

Hơn hai nghìn năm trăm năm trước, Khổng Tử, người tổng kết và tập đại thành văn hóa của các thời đại trước, đã xuất phát từ tình cảm tự nhiên giữa cha mẹ và con cái trong quá trình sinh thành, nuôi dưỡng để nghiên cứu một cách nghiêm túc những mối quan hệ giữa người với người trong gia đình huyết thống.

Ngài đặt ra những chuẩn mực hành vi cho các thành viên trong gia đình, gồm:

Hiếu kính đối với cha mẹ;

Hòa thuận, kính nhường đối với anh chị em;

Nghĩa tình giữa vợ và chồng;

Từ ái đối với con cái.

Trong đó, Khổng Tử đặc biệt nhấn mạnh bốn phận của con cái phải đối xử tử tế và phụng dưỡng cha mẹ.

Những quy phạm và chuẩn mực ấy hợp thành tư tưởng căn bản của đạo hiếu. Khổng Tử mong muốn thông qua những chuẩn mực ấy để thúc đẩy con người tu dưỡng đạo đức, không ngừng hoàn thiện bản thân, trở thành bậc nhân đức và người quân tử.

Nói cách khác, con người phải bắt đầu từ việc tu dưỡng bản thân, tiến tới sửa sang gia đình, quản trị đất nước và cuối cùng là đem lại thái bình cho thiên hạ.

Trong tư tưởng về đạo hiếu của Khổng Tử, quyền lợi và nghĩa vụ giữa cha mẹ với con cái là quan hệ tương hỗ, bình đẳng về trách nhiệm, chứ không phải quan hệ đơn phương. Đó chính là ý nghĩa của câu “cha ra cha, con ra con” trong lời dạy:

Vua ra đạo vua nghiêm minh,

Tôi tròn phận tôi, tận tình trung quân,

Cha ra đạo phụ ân cần,

Con tròn đạo Hiếu, giữ phần làm con.

- Luận Ngữ - Nhan Uyên

Trong một thời gian dài, câu nói này từng bị giải thích sai lệch và bị phê phán như một quan niệm nhằm bảo vệ chế độ đẳng cấp phong kiến.

Nhưng trên thực tế, câu ấy muốn nói rằng người trị nước phải có tư cách của người trị nước; bề tôi phải làm tròn bốn phận phò tá quân vương; người cha trong gia đình phải yêu thương con cái, gánh vác trách nhiệm đối với cả nhà, sống đúng tư cách của người cha; con cái phải kính trọng cha mẹ, thực hiện nghĩa vụ phụng dưỡng, sống đúng tư cách của người làm con.

Thế nào là sống đúng tư cách của người cha?

Đó là thực hiện đầy đủ nghĩa vụ sinh thành, giáo dục và nuôi dưỡng con cái. Đây cũng chính là nền tảng của đạo hiếu.

Thế nào là sống đúng tư cách của người làm con?

Đó là những lời nói và hành động biết ơn, bắt nguồn từ sự tôn trọng lịch sử, tôn trọng tri thức và trân trọng công lao mà cha mẹ đã dành cho mình.

Khi cha mẹ và con cái đều thực hiện đầy đủ trách nhiệm ấy, gia đình có thể đạt đến sự hòa thuận.

Không chỉ dừng lại trong phạm vi gia đình, Khổng Tử còn mong muốn cha mẹ và con cái có thể mở rộng tinh thần hiếu kính đến hàng xóm, xã hội và toàn thể thiên hạ, tức là “suy từ mình mà nghĩ đến người”, để xây dựng một thế giới đại đồng của lòng nhân và thực hiện giá trị chân chính của đời người.

Trong thiên Học Nhi của Luận Ngữ, Hữu Tử, học trò của Khổng Tử, đã diễn đạt tư tưởng ấy một cách rõ ràng:

Quân tử chăm giữ cội nguồn,

Gốc bền, đạo mới mở đường sinh sôi.

Mẹ cha hiếu kính trọn đời,

Anh em hòa thuận, nhường lời kính nhau.

Đức nhân vun đắp từ đầu,

Hiếu thân, kính trưởng-nhịp cầu thiện tâm.

Có thể nói: Hiếu là gốc của nhân, còn nhân là con đường hoàn thiện của hiếu.

Điều đó cho thấy chữ “hiếu”, tức mối quan hệ huyết thống, chính là một trong những nguồn cội của đạo đức truyền thống Trung Hoa.

Như vậy, chữ “hiếu” mà Khổng Tử đề xướng tuy được xây dựng trên nền tảng tình thân tự nhiên của con người trong quá trình sinh thành và dưỡng dục, nhưng không chỉ giới hạn trong việc quy định hành vi giữa cha mẹ với con cái.

Nó còn chứa đựng ý nghĩa sâu xa là dùng đạo hiếu để thúc đẩy con người tu dưỡng đạo đức, không ngừng tiến bộ, vươn đến cảnh giới của bậc nhân đức và người quân tử.

Tư tưởng về chữ “hiếu” của Khổng Tử rõ ràng khác với quan điểm của Lão Tử, người sống cùng thời, khi cho rằng:

“Dứt bỏ nhân nghĩa, dân chúng sẽ trở lại với hiếu từ.”

- Đạo Đức Kinh, chương XIX

Theo cách hiểu này, con người phải loại bỏ những khái niệm nhân nghĩa và đạo đức do xã hội đặt ra thì mới có thể trở về với sự hiếu thuận, từ ái tự nhiên.

Có người cho rằng Đạo giáo cũng giảng về chữ “hiếu”, bởi trong Đạo giáo có nhiều kinh điển chuyên nói đến việc báo đáp công ơn cha mẹ, như:

Thái Thượng Lão Quân Thuyết Báo Phụ Mẫu Ân Trọng Kinh;

Thái Thượng Chân Nhất Báo Phụ Mẫu Ân Trọng Kinh;

Huyền Thiên Thượng Đế Thuyết Báo Phụ Mẫu Ân Trọng Kinh;

Nguyên Thủy Động Chân Từ Thiện Hiếu Tử Báo Ân Thành Đạo Kinh;

Thái Thượng Động Huyền Linh Bảo Bát Tiên Vương Giáo Giới Kinh;

Động Huyền Linh Bảo Đạo Yếu Kinh.

Tuy nhiên, theo quan điểm của chúng tôi, những kinh điển ấy không bàn về đạo hiếu theo nghĩa của Nho gia, mà chủ yếu nói đến việc báo ân, tức con cái báo đáp công ơn cha mẹ đã sinh thành và nuôi dưỡng thân thể mình.

Do đó, chữ “hiếu” của Đạo giáo, được hiểu chủ yếu là báo ân, và chữ “hiếu” của Nho gia là hai khái niệm không hoàn toàn giống nhau. Vấn đề này sẽ được trình bày thêm khi chúng ta bàn đến luân lý gia đình trong Phật giáo.

Quan niệm về chữ “hiếu” do Khổng Tử tổng kết không chỉ khác với tư tưởng “dứt bỏ nhân nghĩa, dân chúng sẽ trở lại với hiếu từ” của Lão Tử, mà còn không hoàn toàn giống quan niệm của Mặc Tử:

“Hiếu là làm lợi cho cha mẹ”.

- Mặc Tử - Kinh thượng

Theo Mặc Tử, hiếu chủ yếu là việc con cái thực hiện nghĩa vụ kinh tế và phụng dưỡng cha mẹ.

Quan niệm ấy cũng khác với cách nói tương đối khái quát của Hàn Phi Tử trong thiên Trung Hiếu:

“Gia đình nghèo thì làm cho giàu; cha khổ thì làm cho vui”.

Bởi vậy, chúng tôi cho rằng đạo hiếu là một hệ thống chuẩn mực về lời nói và hành động, được nâng lên từ tình cảm yêu thương, chăm sóc hài hòa giữa cha

mẹ và con cái trong gia đình huyết thống, nơi các thế hệ sinh thành, nuôi dưỡng và tiếp nối không ngừng.

Đó là một phạm trù luân lý đặc thù của học thuyết Nho gia, đồng thời cũng là một phẩm chất đạo đức đặc sắc của dân tộc Trung Hoa.

Văn hóa truyền thống Trung Hoa được hợp thành từ văn hóa Nho gia, Phật giáo, Đạo giáo và văn hóa của năm mươi sáu dân tộc; trong đó, văn hóa Nho gia giữ vai trò chủ đạo.

Thông thường, người ta cho rằng sau khi học trò của Khổng Tử là Tăng Sâm trải qua một sự việc được gọi là “ngu hiếu” - sự việc này sẽ được trình bày ở phần sau - Khổng Tử nhận thấy người học trò ấy đã rút ra được bài học, nên có thể truyền trao cho ông những tư tưởng mà mình đã tổng kết về đạo hiếu.

Tăng Sâm nghe lời giảng của Khổng Tử và ghi chép lại, đúng như Sử ký - Trọng Ni đệ tử liệt truyện viết:

“Tăng Sâm nhỏ hơn Khổng Tử bốn mươi sáu tuổi. Khổng Tử cho rằng ông có khả năng thông hiểu đạo hiếu, nên truyền dạy học nghiệp cho ông, từ đó hình thành Hiếu Kinh”.

Hiếu Kinh là kinh điển Nho gia về đạo hiếu, được hình thành trên cơ sở Tăng Sâm kế thừa, cụ thể hóa và phát triển tư tưởng hiếu đạo của Khổng Tử.

Vậy Tăng Sâm đã kế thừa, cụ thể hóa và phát triển tư tưởng đạo hiếu của Khổng Tử như thế nào?

1. Tăng Sâm kế thừa tư tưởng hiếu đạo của Khổng Tử

Khổng Tử từng dạy:

“Thân thể, tóc da nhận từ cha mẹ, không dám làm tổn thương.”

Ngoài ý nghĩa trân trọng công lao sinh thành, dưỡng dục của cha mẹ, câu nói ấy còn hàm chứa trách nhiệm của con cái phải giữ gìn thân thể để có thể gánh vác việc phụng dưỡng cha mẹ.

Trong Đại Đái Lễ Ký - Tăng Tử Bản Hiếu có ghi rằng Tăng Sâm:

“Không lên nơi quá cao, không bước vào chỗ nguy hiểm”.

Nghĩa là ông không đi đến những nơi nguy hiểm để tránh làm tổn thương bản thân.

Ông cũng chủ trương:

“Lời ác không thốt ra khỏi miệng, những lời gây tai họa không để liên lụy đến mình”.

Điều đó có nghĩa là không dùng lời ác làm tổn thương người khác, không vì lời nói sai trái mà vi phạm pháp luật.

Thời Tiên Tần có nhiều hình phạt hết sức nghiêm khắc, như chặt chân, cắt tay hoặc khắc chữ lên mặt. Nếu một người vì bất cẩn làm thân thể bị tổn thương, hoặc vì phạm pháp mà chịu hình phạt dẫn đến tàn tật, người ấy không những không thể gánh vác trách nhiệm phụng dưỡng cha mẹ, mà còn khiến cha mẹ đau khổ về tinh thần.

Đó đều không phải là hành vi của một người con có hiếu.

Trước khi qua đời, Tăng Sâm bảo các học trò:

“Hãy xem chân ta! Hãy xem tay ta!”

- Luận Ngữ - Thái Bá

Câu nói ấy cho thấy suốt đời ông luôn thận trọng, lo sợ mình làm tổn thương thân thể hoặc vi phạm pháp luật. Mãi đến lúc lâm chung, khi thấy tay chân mình vẫn còn nguyên vẹn, ông mới cảm thấy an lòng.

Học trò của Tăng Sâm là Nhạc Chính Tử Xuân, sau khi vô ý làm chân bị thương, đã lộ vẻ buồn rầu. Điều đó cho thấy Nhạc Chính Tử Xuân đã khắc ghi sâu sắc những lời dạy và tấm gương thực hành của thầy mình.

2. Tăng Sâm cụ thể hóa tư tưởng hiếu đạo của Khổng Tử

Khổng Tử trình bày nội dung của chữ “hiếu” tương đối cô đọng. Tăng Sâm đã cụ thể hóa thành ba cấp độ:

“Hiếu có ba bậc: bậc đại hiếu là tôn kính cha mẹ; kế đến là không làm nhục cha mẹ; thấp nhất là có thể phụng dưỡng cha mẹ”.

- Lễ Ký - Tế Nghĩa

Như vậy, chữ “hiếu” được phân chia thành ba tầng bậc rõ ràng.

Mạnh Tử, người học trò thuộc thế hệ truyền thừa tiếp theo của Tăng Sâm - Tăng Sâm truyền cho Tử Tư, Tử Tư truyền cho Mạnh Tử - lại từ phương diện đối lập mà đưa ra những tiêu chuẩn để xác định thế nào là bất hiếu.

Điều cần nhấn mạnh là chỉ khi Tăng Sâm kế thừa và cụ thể hóa tư tưởng hiếu đạo của Khổng Tử, Mạnh Tử mới có thể tiến thêm một bước, từ mặt đối lập mà luận chứng thế nào là bất hiếu.

3. Tăng Sâm phát triển tư tưởng hiếu đạo của Khổng Tử

Khổng Tử cho rằng:

“Hiếu là đạo thường của trời, là nghĩa lý của đất, là hạnh của dân”.

- Hiếu Kinh - Tam Tài chương

Trong Đại Đái Lễ Ký - Tăng Tử Bản Hiếu, tư tưởng ấy được phát triển thêm: đạo hiếu đem đặt giữa trời đất thì có thể bao trùm trời đất; dùng làm chuẩn mực cho bốn biển thì khắp bốn biển đều có thể noi theo; truyền lại cho đời sau thì không phân sớm tối, muôn đời vẫn không thay đổi.

Từ đó hình thành học thuyết lấy đạo hiếu để trị thiên hạ.

Có người cho rằng học thuyết này không đúng. Nhưng đạo hiếu vốn bắt nguồn từ tình cảm tự nhiên và thiên tính của con người. Nếu quản trị xã hội và xử lý các mối quan hệ giữa người với người mà không dựa trên những đạo lý phù hợp với thiên tính con người, vậy phải dùng phương thức nào để quản trị?

Gia đình là tế bào của quốc gia và xã hội. Nếu mỗi gia đình đều không được xây dựng và điều hòa bằng những đạo lý phù hợp với thiên tính con người, gia đình ấy tất sẽ phát sinh biến dạng. Một quốc gia và xã hội được cấu thành hoàn toàn từ những tế bào gia đình không lành mạnh thì tất nhiên cũng trở thành một quốc gia, xã hội không lành mạnh.

Tuy nhiên, Tăng Sâm cũng có những điểm hiếu sai hoặc phát triển lệch khỏi tư tưởng đạo hiếu của Khổng Tử.

Khổng Tử cho rằng, trên cơ sở cha từ ái, con hiếu thuận, nếu cả cha và con đều không ngừng tu dưỡng thì có thể cùng đạt đến cảnh giới tinh thần cao nhất là nhân.

Ngài dạy:

“Người quân tử chuyên tâm vào cái gốc; gốc đã vững thì đạo mới sinh. Hiếu kính cha mẹ, kính nhường anh em, chẳng phải là gốc của đức nhân hay sao?”

- Luận Ngữ - Học Nhi

Nhưng khi truyền dạy tư tưởng của Khổng Tử cho học trò, Tăng Sâm không nhấn mạnh đầy đủ rằng hiếu là nền tảng của nhân. Trái lại, ông tập trung khai triển mệnh đề “gốc đã sinh thì đạo mới lập”, đưa chữ “hiếu” từ một trong những chuẩn mực làm người của Khổng Tử phát triển thành chuẩn mực căn bản nhất của đạo làm người.

Trong quá trình ấy, Tăng Sâm còn đưa vào một số nội dung mang tính “ngu hiếu”, tức quan niệm con cái phải tuyệt đối tuân theo mệnh lệnh của cha mẹ.

Ông cũng mở rộng tình cảm tự nhiên, quyền lợi và nghĩa vụ giữa cha với con trong gia đình huyết thống sang việc xử lý những mối quan hệ giữa người với người trong xã hội.

Theo đó, trong gia đình, con cái phải phục tùng cha mẹ vô điều kiện; ngoài xã hội, dân chúng phải phục tùng quân vương vô điều kiện.

Về sau, tư tưởng này được kết hợp với quan niệm “tam cương” trong các sách vĩ thư:

“Vua là giếng mối của bề tôi;

Chồng là giếng mối của vợ;

Cha là giếng mối của con”.

Quan niệm này xuất phát từ Lễ Vĩ - Hàm Văn Gia. Vĩ thư thường được xem là loại sách xuất hiện vào đời Hán, dùng thần học để diễn giải và phụ họa cho Nho học: Nho học được coi là “kinh”, còn thần học được coi là “vĩ”.

Từ sự kết hợp ấy đã xuất hiện các quan điểm “lấy hiếu trị gia đình” và “lấy hiếu trị thiên hạ”.

Thực ra, trong mệnh đề “gốc đã sinh thì đạo mới lập”, “gốc” và “đạo” là hai khái niệm khác nhau. Gia đình tuy là tế bào của xã hội, nhưng gia đình và xã hội suy cho cùng vẫn là hai thực thể khác biệt.

Nhìn chung, đạo hiếu Trung Hoa đã trải qua một quá trình phát triển như sau:

Phong tục của tổ tiên thời cổ đại

→ Khổng Tử tổng kết và nâng cao

→ Mạnh Tử cùng các Nho gia đời sau bổ sung và phát triển.

Từ năm 1949 đến năm 1976, đạo hiếu của dân tộc Trung Hoa từng bị xem là tàn dư phong kiến, vì thế bị bài xích và phê phán.

Đến tháng 3 năm 1996, Ủy ban Xây dựng Văn minh Tinh thần Thủ đô ban hành Công ước Văn minh của Công dân Thủ đô. Câu đầu tiên trong điều thứ bảy của Công ước là:

“Kính trọng người già, yêu thương trẻ nhỏ”.

Bốn chữ này vừa mang ý nghĩa rộng trong phạm vi xã hội, vừa bao hàm ý nghĩa hẹp trong phạm vi gia đình: con cái hiếu dưỡng cha mẹ, cha mẹ quan tâm và yêu thương con cái.

Tháng 8 năm 1996, Ủy ban Thường vụ Đại hội Đại biểu Nhân dân Toàn quốc khóa VIII của nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa ban hành Luật Bảo vệ quyền và lợi ích của người cao tuổi nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa.

Luật này quy định rõ nghĩa vụ của con cái trong việc phụng dưỡng cha mẹ, đồng thời xác định trách nhiệm pháp lý đối với những người con xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp của cha mẹ.

Tháng 3 năm 2000, Hội đồng quản trị Tập đoàn Sâm Mỹ Hắc Long Giang ban hành một quyết định, trong đó nêu rõ:

Trong doanh nghiệp, con cái phải hiếu kính và phụng dưỡng người cao tuổi. Mức sống của cha mẹ không được thấp hơn mức sống của con cái, thậm chí cần được ưu tiên hơn đôi chút. Khi cha mẹ đau bệnh, con cái phải kịp thời chữa trị, không được tiếc tiền; không được xâm chiếm tài sản của cha mẹ.

Những người không hiếu kính, không phụng dưỡng cha mẹ sẽ không được đề bạt, không được tăng lương, không được bình chọn danh hiệu tiên tiến.

Đối với những trường hợp bất hiếu nghiêm trọng, doanh nghiệp có thể áp dụng các hình thức xử lý như cắt toàn bộ tiền thưởng trong năm, thu hồi phần vốn góp, lưu lại nhà máy để theo dõi hoặc chấm dứt tư cách nhân viên.

Đây là lần đầu tiên trong giới doanh nghiệp, cũng như trên phạm vi toàn quốc, có một tổ chức công khai và mạnh mẽ đề xuất khôi phục đạo hiếu, vốn từng bị phê phán gay gắt trong nửa thế kỷ trước đó.

Tiếp theo, vào tháng 6 năm 2000, Ủy ban Kiểm tra Kỷ luật Thành ủy Thiên Tân, Ban Tổ chức Thành ủy, Ban Tuyên truyền Thành ủy và Ủy ban Công tác Người cao tuổi thành phố Thiên Tân phối hợp ban hành Một số quy định về việc đảng viên Đảng Cộng sản phát huy vai trò tiên phong, gương mẫu trong việc kính

trọng và phụng dưỡng người cao tuổi.

Quy định yêu cầu đảng viên phải nêu gương trong việc kính trọng và chăm sóc người cao tuổi; phải coi trọng và trân quý kiến thức, kỹ năng và kinh nghiệm của người cao tuổi.

Đối với những hành vi không kính trọng, không phụng dưỡng, kỳ thị, ngược đãi người cao tuổi hoặc xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp của họ, tùy theo tính chất và mức độ nghiêm trọng, người vi phạm sẽ bị phê bình, giáo dục, xử lý về tổ chức hoặc kỷ luật Đảng. Trường hợp cấu thành tội phạm sẽ bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo pháp luật.

Văn bản này mở đầu cho việc khôi phục tinh thần đạo hiếu trong các cơ quan Đảng và chính quyền.

Tháng 9 năm 2001, Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc ban hành Cương yếu thực hiện xây dựng đạo đức công dân.

Trong phần đề cập đến việc xây dựng đạo đức gia đình, văn bản chỉ rõ cần cùng nhau nuôi dưỡng, phát triển tình thân giữa các thế hệ, đồng thời tích cực đề cao những đức tính truyền thống của dân tộc Trung Hoa như kính trọng người già và yêu thương trẻ nhỏ.

Tháng 12 năm 2003, Hội Người cao tuổi Trung Quốc cùng một số đơn vị tổ chức tại Tế Nam, tỉnh Sơn Đông, Diễn đàn quốc tế về văn hóa hiếu đạo Trung Hoa và sự hài hòa giữa các thế hệ. Đây là hội nghị đầu tiên về chủ đề này được tổ chức kể từ năm 1949.

Sau hội nghị, tại nhiều địa phương và ở nhiều cấp khác nhau trên cả nước, phong trào bình chọn “tấm gương đạo đức” và “ngôi sao hiếu hạnh” dần phát triển rộng rãi. Từ đó, đạo hiếu Trung Hoa chính thức trở lại đời sống xã hội.

II. Những nội dung chủ yếu của đạo hiếu Trung Hoa

Trong Hiếu Kinh - Khai Tông Minh Nghĩa chương, Khổng Tử dạy:

“Thân thể, tóc da nhận từ cha mẹ, không dám làm tổn thương, đó là khởi đầu của hiếu. Lập thân, hành đạo, lưu danh hậu thế, làm rạng rỡ cha mẹ, đó là sự hoàn thành của hiếu.”

Ở đây, Khổng Tử chỉ ra rằng điều kiện đầu tiên để thực hành đạo hiếu chính là con cái phải biết tự trọng, tự tôn và yêu quý bản thân.

Trong Hiếu Kinh - Kỷ Hiếu Hạnh chương, Khổng Tử dạy:

“Người con có hiếu phụng sự cha mẹ: khi sống chung thì hết lòng kính trọng; khi phụng dưỡng thì hết lòng làm cho cha mẹ vui; khi cha mẹ đau bệnh thì hết lòng lo lắng; khi cha mẹ qua đời thì hết lòng thương tiếc; khi cúng tế thì hết lòng trang nghiêm”.

Trong đoạn này, Khổng Tử nêu ra năm nội dung của việc thực hành đạo hiếu: Kính - Vui - Lo - Thương - Nghiêm.

Năm nội dung ấy bao gồm ba phương diện chính:

Thứ nhất là cung cấp vật chất và chăm sóc đời sống, tức phụng dưỡng về phương diện sinh hoạt.

Thứ hai là an ủi, quan tâm và làm cho cha mẹ được vui vẻ về tinh thần, tức phụng dưỡng về phương diện tinh thần.

Thứ ba là thái độ thành kính, thương tiếc và trang nghiêm của con cái sau khi cha mẹ qua đời.

1. Phương diện phụng dưỡng đời sống

Điều này đòi hỏi người làm con, trong phạm vi điều kiện kinh tế cho phép, phải tận lực phụng dưỡng cha mẹ khi các ngài đã mất khả năng lao động; đồng thời chăm lo chu đáo việc ăn ở, sinh hoạt hằng ngày, để cha mẹ không phải thiếu thốn cơm áo và có được một đời sống thuận tiện. Đây cũng là nền tảng căn bản của việc thực hành đạo hiếu.

Từ phương diện tích cực, Khổng Tử từng nói:

“Ngày nay, nói đến hiếu là nói đến việc có thể phụng dưỡng cha mẹ”.

- Luận Ngữ, Vi chính

Ngài lại dạy:

“Phụng sự cha mẹ thì phải tận hết sức mình”.

- Luận Ngữ, Học nhi

“Khi cha mẹ còn sống, phải phụng sự theo lễ”.

“Cha mẹ chỉ lo lắng về bệnh tật của con”.

- Luận Ngữ, Vi chính

“Tuổi tác của cha mẹ không thể không ghi nhớ: một mặt vui mừng vì cha mẹ được trường thọ, một mặt lại lo lắng vì tuổi ngày càng cao”.

- Luận Ngữ, Lý nhân

Như vậy, trong đời sống thường ngày, có thể cung cấp đầy đủ cơm áo, chăm sóc việc ăn ở và tìm thầy, mua thuốc khi cha mẹ đau bệnh, tức là đã thực hiện một phần căn bản của chữ “hiếu”. Những điều này tương đối dễ hiểu, nên không cần bàn luận dài dòng. Ở đây, chỉ xin đề cập sâu hơn đến câu:

“Cha mẹ chỉ lo lắng về bệnh tật của con”.

Đây là lời Khổng Tử trả lời Mạnh Vũ Bá, con trai của quyền thần nước Lỗ là Mạnh Ý Tử, được ghi trong thiên Vi chính của sách Luận Ngữ. Nguyên văn như sau:

“Mạnh Vũ Bá hỏi về đạo hiếu. Khổng Tử đáp: ‘Cha mẹ chỉ lo lắng về bệnh tật của con’”.

Suốt hàng nghìn năm qua, nhiều người cảm thấy câu nói này của Khổng Tử không dễ lý giải. Điểm mấu chốt nằm ở chữ “kỳ” — 其 — trong câu: chữ ấy chỉ cha mẹ hay chỉ người con?

Người sớm nhất cho rằng chữ “kỳ” trong câu “Cha mẹ chỉ lo lắng về bệnh tật của con” dùng để chỉ cha mẹ là Hoài Nam vương Lưu An, sống vào đầu thời Tây Hán. Trong thiên Thuyết lâm huấn của sách Hoài Nam Tử, ông viết: “Người lo lắng về bệnh của cha là con; người chữa bệnh cho cha là thầy thuốc”.

Nghĩa là, người lo âu trước bệnh tật của cha mẹ chính là những người con có hiếu; còn người trực tiếp trị bệnh là thầy thuốc. Theo cách hiểu ấy, chữ “kỳ” ở đây chỉ cha mẹ.

Về sau, học giả kinh học Cao Dự thời Đông Hán, khi chú giải Hoài Nam Tử, đã làm rõ thêm cách hiểu này. Ông giải thích câu “Người lo lắng về bệnh của cha là con” như sau:

“Cha mẹ chỉ có bệnh tật khiến người con lo lắng, vì vậy nói rằng người lo lắng chính là con”.

Ngoài ra, triết gia Vương Sung thời Đông Hán, trong thiên Vấn Khổng của sách Luận hành, cũng viết: “Mạnh Vũ Bá khéo biết lo cho cha mẹ, vì vậy Khổng Tử nói: Chỉ lo lắng về bệnh tật của cha mẹ”.

Vương Sung cũng cho rằng chữ “kỳ” dùng để chỉ cha mẹ.

Tuy nhiên, đại học giả kinh học Mã Dung thời Đông Hán lại không đồng tình với cách giải thích ấy. Ông cho rằng câu nói của Khổng Tử có ý:

“Người con có hiếu không tùy tiện làm điều sai trái; chỉ khi mắc bệnh mới khiến cha mẹ phải lo lắng”.

Nói cách khác, người con hiếu thuận sẽ không làm càn, không thực hiện những việc trái với lễ pháp. Vì vậy, cha mẹ không phải lo âu về hành vi của con ngoài xã hội, mà chỉ cần lo khi con đau bệnh. Theo Mã Dung, chữ “kỳ” không chỉ cha mẹ mà chỉ chính người con hiếu thảo.

Từ thời Hán trở về sau, hai cách lý giải trái ngược này đã cùng tồn tại hơn hai nghìn năm và đến nay vẫn chưa có kết luận hoàn toàn thống nhất.

Tuy nhiên, nếu suy xét kỹ câu “Cha mẹ chỉ lo lắng về bệnh tật của con”, có thể nhận thấy trong đó không nhất thiết ẩn chứa quá nhiều huyền nghĩa sâu xa. Có lẽ Khổng Tử chỉ đang phác họa một cảnh tượng bình thường trong một gia đình hòa thuận, hoặc trình bày một lễ sống hết sức giản dị.

Theo Khổng Tử, trong gia đình, cha mẹ nhân từ, con cái hiếu thuận vốn là đạo lý tự nhiên. Cha mẹ yêu thương con, con cái kính dưỡng cha mẹ; hai bên yêu thương, quan tâm và cùng có trách nhiệm đối với nhau.

Bởi vậy, không chỉ người con đơn phương lo lắng cho sức khỏe của cha mẹ. Khi con cái chẳng may đau bệnh, cha mẹ cũng hết lòng mong con sớm bình phục. Đây là tầng ý nghĩa thứ nhất.

Tầng ý nghĩa thứ hai là: vào thời Xuân Thu, khi Khổng Tử nói câu này, xã hội chưa có những chế độ bảo hiểm y tế tương đối hoàn chỉnh, cũng chưa có viện dưỡng lão, trung tâm chăm sóc người cao tuổi hay nhiều hình thức an sinh như ngày nay. Phần lớn cha mẹ khi tuổi già chỉ có thể nương nhờ vào sự phụng dưỡng của những người con hiếu thuận để an hưởng những năm cuối đời.

Nếu người con vì bệnh tật hoặc tai nạn mà mất khả năng phụng dưỡng, cha mẹ già sẽ rất khó sống yên ổn trong quãng đời còn lại. Vì thế, cha mẹ lớn tuổi đặc biệt quan tâm đến sức khỏe của những người con hiếu thảo: mong con luôn khỏe mạnh, không bệnh tật; nếu con đau bệnh thì cầu mong con sớm bình phục. Mức độ lo lắng ấy đôi khi còn vượt hơn cả sự quan tâm của cha mẹ đối với chính bản thân mình.

Có thể lấy gia đình người em vợ của tôi làm thí dụ. Bố vợ tôi sống cùng người em ấy. Em không chỉ chu đáo sắp xếp việc ăn uống, sinh hoạt cho cha, mà mỗi ngày còn dành thời gian trò chuyện, cười nói với ông. Nhờ vậy, mặc dù đã ngoài

chín mươi tuổi, bố vợ tôi vẫn nói năng rõ ràng, thường tự mình ra ngoài đi dạo, thậm chí còn có thể đi xe đạp.

Mỗi khi cả đại gia đình chúng tôi đến thăm ông và đề nghị ở lại dùng cơm tại nhà người em, bố vợ tôi thường nói:

“Không được! Nấu cơm cho nhiều người như thế, lỡ nó mệt đến sinh bệnh thì tôi biết trông cậy vào ai?”

Thí dụ sống động này không chỉ cho thấy chữ “kỳ” trong câu “Cha mẹ chỉ lo lắng về bệnh tật của con” có thể dùng để chỉ người con, mà còn cho thấy người con ấy nhất định phải là một người có hiếu.

Chỉ khi con cái hiếu thuận, hết lòng chăm sóc cha mẹ già, cha mẹ mới cảm thấy mình không thể xa con dù chỉ trong chốc lát, từ đó đặc biệt lo lắng cho sức khỏe của con. Điều ấy cũng thể hiện mối quan hệ trách nhiệm hai chiều giữa cha mẹ và con cái.

Ngược lại, nếu con cái bất hiếu, cha mẹ thường chỉ cảm thấy đau lòng và lạnh lẽo. Ngày nay, báo chí không hiếm những câu chuyện về nhiều người con nhưng không ai chịu phụng dưỡng mẹ già. Thậm chí còn có những trường hợp cực đoan: người con bất hiếu ngang ngược với xóm làng, ngược đãi cha mẹ, cuối cùng bị cha mẹ phản kháng dẫn đến tử vong; hàng xóm phải cùng nhau đến tòa xin giảm nhẹ hình phạt cho cha mẹ của người ấy.

Rõ ràng, đối với những người con bất hiếu, cha mẹ rất khó có thể “chỉ lo lắng về bệnh tật của con”.

Hình tượng quạ con báo đáp quạ mẹ

Sau khi bàn về câu “Cha mẹ chỉ lo lắng về bệnh tật của con”, chúng ta trở lại vấn đề phụng dưỡng trong đời sống.

Để minh họa cho đạo lý này, tương truyền Khổng Tử còn từng “minh oan” cho loài quạ. Vì quạ có bộ lông đen và tiếng kêu không mấy êm tai nên thường bị xem là loài chim không lành, có thể mang đến tai họa.

Tuy nhiên, qua quan sát, người xưa nhận thấy rằng khi quạ già tuổi cao, không còn đủ sức bay đi kiếm ăn, quạ con sẽ rời tổ tìm mồi rồi ngậm thức ăn trở về nuôi quạ già. Vì vậy, hành vi quạ con nuôi dưỡng quạ mẹ được gọi là “phản bộ” — báo đáp công ơn nuôi dưỡng.

Loài quạ do đó được ca ngợi là loài chim biết thực hành chữ hiếu.

Trong sách Tiểu Nhĩ Nhã - Quảng thú thời Hán có câu:

“Loài toàn thân màu đen và biết quay về nuôi dưỡng cha mẹ được gọi là quạ”.

Sách Cổ kim chú - Điều thú thời Tấn cũng gọi:

“Quạ còn có tên là chim hiếu”.

Xung quanh hình tượng loài quạ còn lưu truyền nhiều câu chuyện.

Theo Nghĩa Ô huyện chí, thời Tần có một người con hiếu họ Nhan. Khi cha mẹ qua đời, ông tự mình mang sọt, cầm xẻng đắp mộ. Một đàn quạ bay đến ngậm đất giúp ông, đến mức mỏ bị tổn thương. Về sau, địa phương ấy được gọi là Ô Thương rồi Nghĩa Ô, đều nhằm biểu dương tấm lòng của người con hiếu.

Cũng có những truyền thuyết cho rằng đàn quạ từng bảo vệ Khổng miếu. Những năm 1940, hai quả đạn pháo rơi xuống trước lầu Tàng Kinh trong Khổng miếu Khúc Phụ. Đàn quạ liên tục bay lượn phía trên và hai quả đạn đều không phát nổ.

Lại có chuyện kể rằng vào đầu thời kỳ Cách mạng Văn hóa, một nhóm Hồng vệ binh định tập trung những người bị gọi là “học giả phản động” trong khu vực về Khổng miếu Cung Thành, Quảng Tây để đấu tố, sau đó phá hủy ngôi miếu. Nhưng hôm ấy, một đàn quạ đông nghịt bất ngờ kéo đến, che kín bầu trời trong ba, bốn giờ, khiến mọi người sợ hãi bỏ chạy. Nhờ vậy, ngôi Khổng miếu được cho là lớn và lâu đời nhất Quảng Tây đã tránh khỏi bị phá hủy.

Bốn biểu hiện bất hiếu trong việc phụng dưỡng

Từ phương diện ngược lại, Mạnh Tử nêu ra bốn trường hợp bất hiếu trong việc phụng dưỡng cha mẹ.

Thứ nhất:

“Nhà nghèo, cha mẹ già mà không ra làm quan để hưởng bổng lộc”.

- Mạnh Tử, Ly Lâu thượng

Điều này chỉ những người con dù gia đình nghèo khó, cha mẹ đã già nhưng vẫn không chịu đi làm, không chịu tìm kế sinh nhai để có tiền phụng dưỡng cha mẹ.

Thứ hai là:

“Lười biếng chân tay”.

Nghĩa là người con lười lao động, không tạo ra của cải nên không thể nuôi dưỡng cha mẹ.

Thứ ba là:

“Ham mê cờ bạc, thích uống rượu.”

Đó là những người con chỉ biết ăn chơi hưởng lạc, không quan tâm đến việc phụng dưỡng song thân.

Thứ tư là:

“Ham tiền của, chỉ thiên vị vợ con”.

- Mạnh Tử, Ly Lâu hạ

Điều này chỉ những người chỉ lo kiếm tiền cho vợ con và gia đình nhỏ của mình, nhưng lại không chịu bỏ tiền phụng dưỡng cha mẹ.

Tất cả những trường hợp ấy đều bị xếp vào hành vi bất hiếu. Ba trường hợp đầu, theo cách nói hiện đại, có thể gọi là lối sống “ăn bám cha mẹ”.

2. Phương diện an ủi tinh thần

Sau câu:

“Ngày nay, nói đến hiếu là nói đến việc có thể phụng dưỡng cha mẹ”, Khổng Tử còn nói thêm:

“Đến như chó ngựa, người ta cũng có thể nuôi dưỡng. Nếu không có lòng kính thì lấy gì để phân biệt?”

- Luận Ngữ, Vi chính

Qua đó, Khổng Tử nêu bật một chữ “kính” để phân biệt việc phụng dưỡng cha mẹ của con người với việc nuôi dưỡng chó ngựa.

Chữ “hiếu” mà Khổng Tử đề xướng không chỉ dừng lại ở sự cung dưỡng vật chất, mà còn đặt ra nhiều yêu cầu sâu sắc hơn trong đời sống tinh thần và sự giao cảm giữa cha mẹ với con cái.

“Kính” không có nghĩa là phục tùng cha mẹ một cách mù quáng

Thông thường, người ta cho rằng “kính” chỉ là một chiều cung kính và thuận theo. Tuy nhiên, Khổng Tử nói trong thiên Lý nhân của sách Luận Ngữ: “Phụng

sự cha mẹ, phải nhẹ nhàng can gián. Nếu thấy cha mẹ không thuận theo ý kiến của mình, vẫn phải giữ lòng cung kính, không trái lễ; tuy nhọc lòng cũng không oán trách”.

Sách Đệ tử quy cũng viết: “Cha mẹ dạy, phải kính cẩn lắng nghe”.

Và: “Cha mẹ có lỗi, hãy khuyên cha mẹ sửa đổi; sắc mặt phải vui hòa, tiếng nói phải dịu dàng. Nếu cha mẹ chưa nghe, đợi khi vui lại tiếp tục khuyên”.

Ở đây, cần đặc biệt bàn về chữ “gián”. “Gián” có nghĩa là can gián, tức dùng lời lẽ thích hợp để khuyên bảo người lớn tuổi hoặc người có địa vị cao hơn mình. Trong quan hệ gia đình, điều này có nghĩa là khi phát hiện cha mẹ có sai lầm, người con phải lựa lời khuyên can.

Ngay cả khi cha mẹ không nghe, người con cũng không được vì thế mà mất đi sự cung kính hoặc không còn đối xử tử tế với cha mẹ. Điều này cho thấy chữ hiếu do Khổng Tử đề xướng là mối quan hệ trách nhiệm hai chiều giữa cha mẹ và con cái.

Khổng Tử cho rằng trong gia đình, một biểu hiện của lòng hiếu kính là người con không để cha mẹ phạm phải những sai lầm nghiêm trọng.

Câu chuyện Tăng Tử làm cỏ ruộng dưa

Trong thiên Lục bản của sách Khổng Tử gia ngữ có ghi lại câu chuyện Tăng Tử làm cỏ ruộng dưa. Đây cũng là câu chuyện về thứ “ngu hiếu” đã được đề cập trước đó.

Chuyện kể rằng: *“Tăng Tử làm cỏ ruộng dưa, vô ý chặt đứt rễ một cây dưa. Tăng Tích tức giận, cầm cây gậy lớn đánh vào lưng ông. Tăng Tử ngã xuống đất, bất tỉnh rất lâu. Một lúc sau ông mới tỉnh lại, vui vẻ đứng dậy, bước đến trước mặt Tăng Tích mà nói: ‘Vừa rồi con có lỗi với cha. Cha đã dùng sức dạy bảo con, không biết thân thể cha có mệt mỏi hay đau ở đâu chăng?’*

Sau đó, Tăng Tử lui về phòng, ôm đàn gảy hát, cố ý để Tăng Tích nghe thấy, nhằm cho cha biết thân thể mình vẫn khỏe mạnh. Khổng Tử nghe chuyện thì nổi giận”.

Sở dĩ Khổng Tử nổi giận là vì Ngài cho rằng: *“Tăng Sâm phụng sự cha mà phó mặc thân mình trước cơn thịnh nộ của cha, bị đánh gần chết cũng không chịu tránh. Nếu bản thân chết đi, chẳng phải sẽ khiến cha rơi vào chỗ bất nghĩa sao? Còn điều bất hiếu nào lớn hơn thế! Người chẳng phải là dân của thiên tử sao? Giết dân của thiên tử thì sẽ mang tội như thế nào?”*

Theo Khổng Tử, việc Tăng Tử cứ đứng yên chịu cho cha đánh mà không tránh né là một thứ “ngu hiếu”. Hành vi ấy có thể dẫn dắt người cha đến chỗ phạm pháp, mắc tội và rơi vào bất nghĩa. Đó không phải là điều một đệ tử của Khổng Tử nên làm.

Sự phẫn nộ của Khổng Tử thể hiện thái độ phản đối mạnh mẽ đối với việc lấy lòng cha mẹ một cách vô nguyên tắc. Vì thế, Ngài chủ trương rằng khi cha mẹ có lời nói hay hành vi không đúng, con cái phải biết khuyên can.

Trong thiên Gián tranh của sách Hiếu Kinh, Khổng Tử chỉ rõ: “Người cha có con biết can gián thì bản thân sẽ không rơi vào điều bất nghĩa”.

Nghĩa là khi cha mẹ có lời nói hoặc hành vi không đúng - dĩ nhiên, sự đúng sai này trước hết được người con nhận định từ nhận thức của mình, con cái nên khuyên bảo, giúp cha mẹ sửa đổi, tránh để cha mẹ rơi vào điều bất nghĩa và phải chịu sự trừng phạt của xã hội.

Nếu cha mẹ không tiếp nhận lời khuyên, người con vẫn phải kính trọng và phụng sự như trước, không được oán trách cha mẹ vì không nghe theo ý mình.

Ý nghĩa của việc can gián trong gia đình ngày nay

Ngày nay, chúng ta khẳng định giá trị của việc can gián trong đạo hiếu vì những lý do sau đây:

Thứ nhất, trong mỗi gia đình, cách nhìn nhận của các thành viên đối với cùng một vấn đề không phải lúc nào cũng hoàn toàn giống nhau. Trong bất cứ gia đình nào cũng thường xuyên tồn tại những nhận thức và ý kiến khác biệt.

Thứ hai, sự tồn tại và trao đổi giữa những ý kiến khác nhau trong gia đình là điều bình thường. Trái lại, sự hòa thuận vô nguyên tắc hoặc việc phục tùng tuyệt đối mới là điều không bình thường.

Thứ ba, sự trao đổi giữa các quan điểm khác nhau có thể diễn ra nhiều lần. Điểm xuất phát của những cuộc trao đổi ấy có thể là lòng quan tâm của con cái đối với cha mẹ, hoặc tình yêu thương, che chở của cha mẹ dành cho con. Vì vậy, thái độ phải ôn hòa, mềm mỏng và tuyệt đối không mang lòng thù địch.

Thứ tư, kết quả của sự trao đổi thường không ngoài hai khả năng.

Một là cha mẹ tiếp nhận lời khuyên của con cái và sửa đổi ngay.

Hai là trong quá trình nhiều lần khuyên giải, người con dần nhận ra điều ấy vốn không phải sai lầm của cha mẹ, mà chính nhận thức của mình có vấn đề, từ đó

chủ động từ bỏ lời can gián.

Như vậy, biết can gián, biết tiếp nhận lời can gián và biết từ chối lời can gián một cách hợp lý là phương thức đúng đắn để xử lý những bất đồng trong gia đình và tăng cường sự hòa thuận.

Ý nghĩa của chữ “kỷ” và chữ “lao”

Khi giải thích câu: *“Phụng sự cha mẹ, phải nhẹ nhàng can gián. Nếu thấy cha mẹ không nghe theo, vẫn phải giữ lòng cung kính, không trái lễ; tuy nhọc lòng cũng không oán trách”*, hai chữ thường gây ra những cách hiểu khác nhau là chữ “kỷ” — 𡇗 — trong “kỷ gián”, và chữ “lao” — 勞 — trong “lao nhi bất oán”.

Chữ “kỷ” là một chữ có nhiều nghĩa. Nó có thể chỉ một số lượng không xác định; có thể mang nghĩa dấu hiệu, mầm mống hoặc nguyên nhân; cũng có thể mang nghĩa nhỏ nhẹ, kín đáo.

Chữ “kỷ” trong lời Khổng Tử có thể đồng thời bao hàm các ý nghĩa trên. Vì vậy, “kỷ gián” có thể hiểu là nhiều lần khuyên bảo một cách nhẹ nhàng, kín đáo và uyển chuyển.

Ở đây, chữ “kỷ” đóng vai trò trạng ngữ, bổ nghĩa và giới hạn cho động từ “gián”, nhằm chỉ rõ mức độ và phương thức thích hợp của việc can gián.

Đối với chữ “lao” trong câu “lao nhi bất oán”, nhiều người căn cứ vào nghĩa gốc để hiểu là lao động, vất vả hoặc nhọc nhằn. Theo đó, câu này có thể được giải thích: “Người con vẫn tiếp tục nhọc lòng phụng sự cha mẹ mà không sinh tâm oán trách”.

Tuy nhiên, nhà kinh học Vương Dẫn Chi đời Thanh, trong sách Kinh nghĩa thuật văn, cho rằng chữ “lao” nên được hiểu là lo buồn hoặc ưu tư.

Theo cách hiểu ấy, “lao nhi bất oán” có nghĩa: “Tuy lo lắng rằng cha mẹ không nghe lời khuyên rồi có thể phạm sai lầm, nhưng người con vẫn không oán giận cha mẹ”.

Hai cách giải thích này thực ra không mâu thuẫn với nhau. Nếu kết hợp cả hai lớp nghĩa, có lẽ sẽ phù hợp hơn với tinh thần lời dạy của Khổng Tử.

Như vậy, toàn bộ câu nói có thể được hiểu như sau:

Khổng Tử dạy rằng khi phụng sự cha mẹ, nếu nhận thấy cha mẹ có lời nói hoặc hành vi không thích hợp, người con phải nhiều lần khuyên bảo bằng thái độ nhẹ nhàng, kín đáo và uyển chuyển. Nếu cha mẹ không nghe, cũng không muốn

sửa đổi, người con vẫn phải giữ sự cung kính như trước, không được vì thế mà trái lễ; vẫn tiếp tục phụng sự cha mẹ như thường ngày, không oán trách vì cha mẹ không tiếp nhận lời khuyên, đồng thời cũng không hoàn toàn từ bỏ trách nhiệm khuyên can.

Câu chuyện của người sinh viên Văn Vĩ

Số 19 năm 2006 của tạp chí Thanh niên Trung Quốc từng đăng câu chuyện của Văn Vĩ, một sinh viên ở thành phố Hiếu Cẩm, tỉnh Hồ Bắc.

Khi Văn Vĩ mười bốn tuổi, mẹ anh qua đời vì bệnh ung thư. Vì quá đau buồn, người cha dần sa vào cờ bạc.

Văn Vĩ nhiều lần cầu xin cha từ bỏ cờ bạc, nhưng ông không nghe. Sau khi thua hết số tiền tích lũy của gia đình, người cha tiếp tục vay mượn khắp nơi, thậm chí vay cả những khoản tiền có lãi suất rất cao để đánh bạc.

Năm mười tám tuổi, Văn Vĩ thi đậu vào một trường đại học ở xa. Trong kỳ nghỉ đông trở về nhà, tận mắt chứng kiến cảnh các chủ nợ đến đòi tiền, anh quyết định tạm nghỉ học, đi làm để trả nợ thay cha.

Để kiếm được nhiều tiền hơn, mỗi ngày Văn Vĩ làm liên tiếp ba công việc. Buổi sáng, anh đến một cửa hàng gà quay ở chợ sớm để nhổ lông gà; sau đó đến công trường xây dựng làm phụ hồ; buổi tối lại dạy kèm cho học sinh tiểu học.

Mỗi khi dành dụm được một khoản tiền tròn, anh lặng lẽ đem trả dần cho các chủ nợ của cha.

Có lần, trong lúc vác gạch tại công trường, Văn Vĩ bị ngã gãy cánh tay trái. Chủ công trình đưa anh đến bệnh viện điều trị, nhưng anh đề nghị chủ công trình quy đổi số tiền viện phí thành tiền bồi thường rồi trả trực tiếp cho mình. Sau đó, anh mang toàn bộ số tiền ấy đến nhà các chủ nợ để trả nợ cho cha.

Khi biết con trai đã phải nghỉ học, dùng những đồng tiền mồ hôi và đau đớn kiếm được để trả món nợ cờ bạc của mình, người cha vừa hối hận vừa xấu hổ. Ông hứa với con sẽ từ bỏ cờ bạc, làm lại cuộc đời, đồng thời khẩn thiết xin con quay trở lại trường đại học.

Câu chuyện xảy ra vào đầu thế kỷ XXI này là một lời chú giải sống động cho lời dạy cách đó hơn hai nghìn năm trăm năm của Khổng Tử: “Phụng sự cha mẹ, phải nhẹ nhàng can gián. Nếu thấy cha mẹ không nghe theo, vẫn phải giữ lòng cung kính, không trái lễ; tuy nhọc lòng cũng không oán trách”.

“Kính” là đem lại sự an ủi tinh thần cho cha mẹ

Khổng Tử từng dạy:

“Cha mẹ còn sống thì không nên đi xa; nếu đi xa, phải cho cha mẹ biết nơi mình đến”.

- Luận Ngữ, Lý nhân

Trong một thời gian dài, câu nói này từng bị phê phán là tàn dư phong kiến, cản trở con cái ra ngoài trải nghiệm và rèn luyện.

Tuy nhiên, nếu đặt mình vào vị trí của cha mẹ để suy nghĩ: con cái đi xa, lâu ngày không có tin tức, nếu cha mẹ già ở nhà đau bệnh thì ai chăm sóc? Ai giúp cha mẹ vơi đi sự cô đơn, buồn tủi kéo dài?

Cần biết rằng vào thời Khổng Tử chưa có điện ảnh, truyền hình, công viên hay nhà hát như ngày nay.

Năm 1999, tại chương trình Gala Tết Nguyên đán của Đài Truyền hình Trung ương Trung Quốc, ca khúc Thường về nhà thăm cha mẹ do Trần Hồng trình bày đã gây xúc động rộng lớn. Nguyên nhân chính là bài hát nói lên tâm tình của những người cao tuổi luôn mong mỗi sự quan tâm và an ủi tinh thần từ con cháu.

Năm 2001, tại huyện La Bình, tỉnh Vân Nam, một cụ bà chín mươi tám tuổi đã khởi kiện ba người con trai đều ngoài sáu mươi tuổi. Nguyên nhân không phải vì những người con không chu cấp tiền bạc, mà vì họ để mẹ sống một mình, khiến bà cảm thấy vô cùng cô đơn và hiu quạnh.

Từ đó có thể liên hệ đến câu chuyện “Lão Lai Tử làm vui lòng cha mẹ” trong Nhị thập tứ hiếu đồ của Trung Quốc thời cổ.

Trong bài Nhị thập tứ hiếu đồ, thuộc tập Triều hoa tịch thập, Lỗ Tấn viết rằng ông không hiểu, thậm chí cảm thấy phản cảm trước việc Lão Lai Tử “đã bảy mươi tuổi nhưng không nói mình già, thường mặc áo sắc sỡ, giả làm trẻ nhỏ vui đùa bên cha mẹ”.

Nhận xét ấy cho thấy Lỗ Tấn chưa hoàn toàn đặt câu chuyện vào hoàn cảnh lịch sử của nó. Trên thực tế, những việc Lão Lai Tử làm chính là hình thức an ủi tinh thần mà con người thời ấy có thể nghĩ ra và có khả năng thực hiện để làm vui lòng cha mẹ già.

Chúng ta không nên dùng những điều kiện của ngày nay để đòi hỏi quá khắt khe đối với người sống cách đây hơn hai nghìn năm.

Từ phương diện ngược lại, Mạnh Tử nói rằng những người:

“Chạy theo dục vọng tai mắt, khiến cha mẹ phải chịu nhục”

và:

“Ham thích vũ dũng, tranh đấu hung hăng, khiến cha mẹ lâm nguy”

- Mạnh Tử, Ly Lâu hạ đều bị xem là bất hiếu.

Điều này chỉ những người đắm chìm trong thanh sắc, khiến cha mẹ cảm thấy xấu hổ; hoặc những người thích đánh nhau, tranh hơn thua ngoài xã hội, có thể làm người khác bị thương hoặc khiến bản thân bị tổn hại.

Những hành vi ấy không đem lại sự an ủi cho cha mẹ, mà trái lại còn gây nên những tổn thương tinh thần hết sức nặng nề.

“Kính” còn được thể hiện qua việc xây dựng gia đình và tiếp nối các thế hệ

Theo quan niệm truyền thống, một biểu hiện quan trọng của việc kính trọng cha mẹ là để cha mẹ được nhìn thấy thế hệ thứ ba, tức nhìn thấy gia đình và dòng họ được tiếp nối, phát triển; nhìn thấy niềm hy vọng của gia đình được truyền sang đời sau.

Thiên Thánh trị của sách Hiếu Kinh viết: “Cha mẹ sinh ra mình; không có việc gì lớn hơn việc tiếp nối các ngài”.

Sách Mạnh Tử, Ly Lâu thượng cũng có câu: “Có ba điều bất hiếu, không có người nối dõi là điều lớn nhất”.

Trong quan niệm truyền thống Trung Quốc, người ta thường mong muốn sinh con trai. Điều này vừa xuất phát từ nhu cầu có thêm sức lao động nam để đảm đương những công việc nặng nhọc, góp phần gia tăng thu nhập cho gia đình; vừa gắn với quan niệm rằng con trai sẽ cưới vợ, sinh con và tiếp tục duy trì dòng họ.

Trong khi đó, theo tập quán xã hội xưa, con gái khi trưởng thành thường được gả sang gia đình khác và trở thành một phần trong sự tiếp nối của gia đình nhà chồng.

Dĩ nhiên, trong việc con cái trưởng thành, kết hôn và sinh con còn có một ý nghĩa khác: khi tự mình trải qua quá trình nuôi dưỡng thế hệ sau, người con sẽ thấu hiểu sâu sắc hơn những gian nan mà cha mẹ đã trải qua để sinh thành và nuôi dưỡng mình. Từ đó, họ càng biết yêu thương, kính trọng và hiếu thuận với

cha mẹ hơn.

Theo quan niệm truyền thống, việc xây dựng gia đình và nuôi dưỡng thế hệ sau cũng được xem là một phương thức báo đáp, an ủi và làm yên lòng cha mẹ.

Đối với câu nói của Mạnh Tử: “Có ba điều bất hiếu, không có người nối dõi là điều lớn nhất”, nội dung này sẽ được tiếp tục phân tích sâu hơn trong phần thứ tư của bài giảng.

3. Thái độ của con cái sau khi cha mẹ qua đời

Khổng Tử cho rằng, nền tảng của việc thực hành đạo hiếu là con cái phải biết kế thừa chí hướng của thế hệ cha ông, tiếp tục phát huy và làm rạng rỡ những thành quả ấy, qua đó phù hợp với ý nghĩa “tuần hoàn không dứt, sinh sinh bất tận” của Chu Dịch. Nếu thế hệ sau không thể kế thừa và phát triển những thành tựu mà người đi trước đã gây dựng, gia đình sẽ khó hưng thịnh, xã hội cũng khó tiến bộ.

Bởi vậy, tiêu chuẩn để đánh giá lòng hiếu thảo của con cái được thể hiện qua lời dạy:

“Khi cha còn sống, hãy xem chí hướng của người con; khi cha qua đời, hãy xét hành vi của người ấy”.

- Luận Ngữ - Học Nhi

Nghĩa là, trước hết phải xem chí thú và chí hướng của bản thân có tương hợp với cha mẹ hay không; sau đó, khi cha mẹ qua đời, phải xem người con có thể thực hành việc “an táng theo lễ, cúng tế theo lễ” trong thời gian để tang ba năm hay không:

“Khi cha mẹ qua đời, phải an táng theo lễ; cúng tế cũng phải theo lễ”.

- Luận Ngữ - Vi Chính

Đồng thời, người con còn phải có hành động:

“Lập thân hành đạo, lưu danh với đời sau, làm rạng danh cha mẹ”.

- Hiếu Kinh - Khai Tông Minh Nghĩa Chương

Lý do con cái phải để tang cha mẹ trong ba năm được Khổng Tử giải thích:

“Con sinh ra đến ba tuổi mới rời khỏi vòng tay cha mẹ. Việc để tang ba năm là tang lễ chung của thiên hạ. Chẳng lẽ Tể Dư lại không từng nhận ba năm yêu

thương từ cha mẹ hay sao!”

- Luận Ngữ - Lý Nhân

Tuy nhiên, đó mới chỉ là biểu hiện bên ngoài. Ý nghĩa sâu xa nằm trong lời dạy:

“Trong ba năm không thay đổi đạo của cha, có thể gọi là hiếu vậy!”

- Luận Ngữ - Lý Nhân

Điểm cốt yếu ở đây chính là bốn chữ “ba năm không đổi”.

Điều đó có nghĩa là Khổng Tử mong muốn, trong thời gian để tang, người con phải nghiêm túc tìm hiểu “đạo của cha”, tức tư tưởng đạo đức, cách đối nhân xử thế, kỹ năng và thành tựu mà cha mẹ đã gây dựng; đồng thời biết chắt lọc tinh hoa, loại bỏ những điều không còn phù hợp. Khi mãn tang, người con có thể lấy đó làm điểm khởi đầu để kế thừa, phát triển và vượt lên trên “đạo của cha”, phù hợp với ý nghĩa “tuần hoàn không dứt, sinh sinh bất tận” của Chu Dịch.

Đạo của cha” ở đây, trên thực tế, chính là những truyền thống tốt đẹp của gia đình và dòng tộc. Sau khi cha mẹ qua đời, nếu chưa trải qua một thời gian suy xét thận trọng mà đã vội vàng thay đổi truyền thống gia đình, hoặc phủ nhận hoàn toàn những giá trị của tổ tiên để tự mình thiết lập một đường lối khác, người ấy rất có thể sẽ trở thành kẻ làm suy bại gia nghiệp.

Vì thế, chúng ta cần nhìn nhận tính hợp lý của tư tưởng “ba năm không đổi”, đặc biệt ở phương diện kế thừa và bảo tồn những truyền thống tốt đẹp.

Tương tự, chúng ta cũng cần thấy được phần hợp lý trong lời của Mạnh Tử:

“Có ba điều bất hiếu, không có người nối dõi là điều lớn nhất”.

“Không có người nối dõi” tức là:

“Không cưới vợ, không sinh con, khiến việc thờ cúng tổ tiên bị đoạn tuyệt”.

- Mạnh Tử - Ly Lô Thượng

Theo quan niệm này, không có con cháu nối tiếp là điều bất hiếu lớn nhất. Quả thật, đối với một gia đình, nếu mọi người đều không kết hôn, không sinh con, không có thế hệ kế tục, gia đình và dòng tộc sẽ dần suy tàn rồi tan rã.

Đối với một quốc gia hay một xã hội cũng vậy: nếu không có những thế hệ kế tiếp liên tục sinh ra, không có “làn sóng sau thúc đẩy làn sóng trước”, đem lại sự đổi mới và phát triển, xã hội ấy làm sao có thể tiếp tục tiến lên?

Ở đây cần đặc biệt nhấn mạnh rằng, “đạo của cha” theo quan niệm Khổng Tử hoàn toàn không chỉ giới hạn trong những sự nghiệp kinh thiên động địa. Phần nhiều, khái niệm ấy chỉ cách sống nghiêm túc, cách làm việc thiết thực và phẩm chất đạo đức ngay thẳng của thế hệ cha ông.

Chỉ khi những người lao động trong mọi ngành nghề đều thành tâm, nghiêm túc hoàn thành bổn phận của mình; khi mỗi người đều nỗ lực hướng đến một cảnh giới đạo đức cao đẹp hơn, thì toàn xã hội mới có thể tiến bộ và phát triển.

Việc con cháu kế thừa và phát huy “đạo của cha” theo ý nghĩa ấy, không còn nghi ngờ gì nữa, chính là niềm an ủi lớn nhất đối với cha mẹ, kể cả khi cha mẹ đã khuất.

Sau khi trình bày những nội dung chủ yếu của đạo hiếu, chúng ta hãy điểm qua vai trò của đạo hiếu trong đời sống gia đình và xã hội.

Trước hết, Khổng Tử đã lý tính hóa, tổng kết và nâng cao những phong tục, tập quán vốn được lưu truyền rộng rãi trong dân gian, bắt nguồn từ tình cảm thân thuộc giữa những con người cùng sinh thành, nuôi dưỡng lẫn nhau.

Ông phát triển những tình cảm tự nhiên ấy thành hệ thống lễ tiết, lễ nghi và đạo đức luân lý dùng để điều chỉnh các mối quan hệ giữa con người trong gia đình; đồng thời trao cho chữ “hiếu” một địa vị triết học trên cả phương diện giá trị luận lẫn phương pháp luận.

Đây không chỉ là một đóng góp lớn đối với học thuyết Nho gia và sự phát triển của luân lý học Trung Quốc, mà còn là một tài sản tinh thần quý báu trong di sản văn hóa của dân tộc Trung Hoa.

Về sau, Tăng Tử, học trò của Khổng Tử, đã phát huy sâu rộng tư tưởng ấy. Tuy nhiên, ông cũng đưa vào tư tưởng hiếu của Khổng Tử một số yếu tố “ngu hiếu” mà chính Khổng Tử từng phản đối, từ đó xây dựng nên một hệ thống lý luận tương đối hoàn chỉnh về đạo hiếu của Nho gia.

Quan niệm “ngu hiếu” được nhấn mạnh trong hệ thống ấy lại kết hợp với thuyết Tam cương được nêu trong các sách vĩ thư đời Hán:

“Vua là giếng mối của bề tôi, cha là giếng mối của con, chồng là giếng mối của vợ”.

- Lễ Vĩ - Hàm Văn Gia

Tư tưởng này dần được các tầng lớp thống trị tiếp nhận và tạo nên ảnh hưởng vô cùng sâu rộng đối với các thế hệ sau.

Dù chứa đựng những yếu tố cần phê phán, việc xây dựng thành công một hệ thống lý luận về đạo hiếu vẫn là một đóng góp đáng kể đối với sự phát triển của Nho học và luân lý học Trung Quốc.

Thứ hai, từ những lời dạy của Khổng Tử như:

“Cha phải ra cha, con phải ra con”.

- Luận Ngữ - Nhan Uyên

“Phụng sự cha mẹ, phải khéo léo can gián”.

- Luận Ngữ - Lý Nhân

“Cha mẹ chỉ nên lo lắng về bệnh tật của con”.

- Luận Ngữ - Vi Chính

Cùng với thái độ phản đối quan niệm “ngu hiếu” của Tăng Tử, chúng ta có thể nhận ra rằng Khổng Tử đề cao mối quan hệ trách nhiệm hai chiều giữa cha mẹ và con cái.

Mối quan hệ ấy vừa phản đối việc con cái phục tùng cha mẹ một chiều và mù quáng, vừa phản đối việc cha mẹ đơn phương áp chế con cái. Nó thể hiện sự bình đẳng về nhân cách giữa cha mẹ và con cái.

Đó có thể được xem là biểu hiện của một tinh thần dân chủ chất phác trong xã hội cổ đại Trung Quốc, đồng thời là yếu tố quý báu giúp duy trì gia đình, dòng tộc và khơi dậy sức sống nội tại của gia đình, dòng họ. Tinh thần dân chủ sơ khai ấy cũng có một vị trí quan trọng trong lịch sử phát triển tư tưởng Trung Quốc.

Thứ ba, Khổng Tử đề xướng đạo hiếu vì ông nhận thức rằng gia đình là tế bào căn bản cấu thành quốc gia. Mỗi tế bào có lành mạnh hay không đều trực tiếp ảnh hưởng đến sự ổn định của xã hội và sự an nguy của đất nước.

Vì vậy, ông đề ra những quy phạm riêng đối với hành vi của từng thành viên trong gia đình, giúp cha mẹ và con cái có cơ sở để điều chỉnh cách ứng xử trong quan hệ với nhau.

Mặc dù hệ thống đạo hiếu do Tăng Tử xây dựng chứa đựng nhiều yếu tố “ngu hiếu”, chẳng hạn lời dạy:

“Lấy lòng kính trọng mà phụng sự bậc trưởng thượng”.

- Hiếu Kinh - Sĩ Chương

Quan niệm này có thể làm lu mờ giá trị độc lập của người con trong gia đình. Tương tự, lời dạy:

“Lấy lòng hiếu mà phụng sự quân vương”.

- Hiếu Kinh - Sĩ Chương

Ở một mức độ nhất định, cũng có thể làm suy giảm ý chí đấu tranh của dân chúng.

Tuy nhiên, trên một phương diện khác, đạo hiếu Nho gia, với tư cách là một bộ phận của Nho học, trong quá trình lưu truyền suốt hàng nghìn năm, dù từng trải qua nhiều lần tự cải biến và va chạm với những tư tưởng tôn giáo ngoại nhập như Phật giáo, Kitô giáo, vẫn không bị phá hủy.

Trái lại, đạo hiếu đã bén rễ sâu trong tâm thức của nhiều thế hệ người Trung Hoa, góp phần quan trọng vào việc tăng cường sự hòa thuận trong gia đình, củng cố ý thức cộng đồng, duy trì sự ổn định xã hội, thậm chí thúc đẩy sự thống nhất quốc gia.

Nói cách khác, trong quá trình duy trì tính ổn định đặc biệt của xã hội Trung Quốc suốt mấy nghìn năm, vai trò của tư tưởng đạo hiếu Nho gia quả thật không thể xem nhẹ.

Tác giả: □□□ -**Đổng Nãi Cường**/Chuyển ngữ: **Thích Vân Phong**

Nguồn: confucianism.org.my

(Còn tiếp...)

Ghi chú: Tạp chí NCPH đăng tải để đối chiếu và tham khảo, phục vụ công tác nghiên cứu và học thuật.